

Số: 131/2012/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 12 năm 2012

V/v góp ý Dự thảo Nghị định của Chính phủ  
về phí BVMT đối với nước thải

**Kính gửi:** - **Bộ trưởng Bộ Tài chính**  
- **Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường**  
- **Bộ trưởng Bộ NN&PTNT**

Qua công thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) được biết Bộ Tài chính đang triển khai lấy ý kiến về **Dự thảo Nghị định của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**. Sau khi nghiên cứu Dự thảo, Hiệp hội VASEP đã triển khai lấy ý kiến các doanh nghiệp (DN) hội viên và trên cơ sở ý kiến của DN hội viên, Hiệp hội VASEP xin có ý kiến góp ý về những qui định trong Dự thảo như sau:

## **I/ Ý kiến chung:**

1. Dự thảo Nghị định chưa có tiêu chí phân loại nước thải không chứa kim loại nặng (KLN) và nước thải có chứa KLN để làm cơ sở tính phí bảo vệ môi trường, trong khi các quy chuẩn ngành về nước cấp đầu vào có cho phép sự tồn tại một lượng giới hạn nhất định của KLN (QCVN 01:2009/BYT và QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế).
2. Dự thảo không phân loại được đối tượng gây ô nhiễm cao hơn thì phải trả tiền nhiều hơn (*nồng độ KLN cao hoặc thấp đều như nhau về mức phí phải nộp*). Cụ thể, hệ số k không dựa vào nồng độ KLN có trong nước thải mà chỉ dựa vào lưu lượng nước thải chứa KLN. Việc qui định này ảnh hưởng rất lớn đối với những ngành sản xuất có lưu lượng nước thải hàng ngày khá lớn nhưng ô nhiễm KLN lại thấp, nhưng phải đóng mức phí BVMT rất cao nếu áp dụng hệ số K theo khối lượng nước thải chứa KLN.
3. Mức phí bảo vệ môi trường theo cách tính mới tăng quá cao, làm tăng chi phí sản xuất, tăng giá thành sản phẩm, làm giảm năng lực cạnh tranh của DN, vì: ngoài mức phí biến đổi C tăng trên 30%, doanh nghiệp còn phải nộp thêm phần phí cố định với mức phí tối đa 2,5 triệu đồng/năm, chưa tính đến hệ số tính phí K.

## **II/ Góp ý cho các qui định nêu trong Dự thảo:**

### **1) Chương I, Điều 2: Đối tượng chịu phí BVMT**

Điểm 2: Chưa nêu rõ tiêu chí phân loại đối tượng thuộc **nước thải không chứa kim loại nặng và nước thải có chứa kim loại nặng**. Điều này sẽ gây bất cập khi mỗi địa phương/cá nhân hiểu khác nhau dẫn đến cách áp dụng tại mỗi địa phương sẽ khác nhau.

#### **Phân tích:**

- ❖ Trong hoạt động của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thủy sản nói riêng, đa số sử dụng nước thủy cục và nước giếng khoan để phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tại nguồn nước cấp vào đã có sự hiện diện của kim loại nặng (KLN) như: Hg, Pb, As,

Cd...Một số QCVN hiện nay đã qui định về hàm lượng mức cho phép của nước cấp đầu vào và đầu ra. Cụ thể:

**Bảng 1:** Hàm lượng KLN cho phép của nước cấp vào và nước thải ra

STT	Tên chỉ tiêu	Mức cho phép của nước cấp đầu vào		Mức giới hạn cho phép của nước thải đầu ra		Số lần chênh lệch đầu ra/đầu vào (lần)
		QCVN 01:2009/BYT	QCVN 02:2009/BYT	QCVN 11:2008/BTNMT	QCVN 40:2011/BTNMT	
1	Hg	0.001	-	-	0.01	10
2	Pb	0.01	-	-	0.5	50
3	As	0.01	0.05	-	0.1	2 - 10
4	Cd	0.003	-	-	0.1	33

Ghi chú:

- “-“: Không quy định.
- QCVN 01:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.
- QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.
- QCVN 11:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp chế biến thủy sản.
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp

**Nhìn vào Bảng 1 trên sẽ thấy:**

- Theo quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT về chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt chỉ quy định mức giới hạn đối với As, các chỉ tiêu khác không qui định giới hạn nồng độ.
- Theo QCVN 01:2009/BYT về chất lượng nước cấp cho mục đích ăn uống đều quy định ngưỡng giá trị cho phép của các chỉ tiêu KLN. Như vậy, bản thân nước cấp vào đã có hiện diện của KLN và được quy định ở mức cho phép nhất định.

**Bảng 2:** Thống kê giới hạn phát hiện của các phương pháp thử các chỉ tiêu KLN

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (LOD) (mg/l)	Giới hạn cho phép trong nước cấp đầu vào (mg/l)	Kết luận của phép thử
1	Hg	TCVN 7877:2008	0.0005	0.001	Phát hiện
2	Pb	SMEWW 3500-Pb	0.01	0.01	Phát hiện
3	As	SMEWW 3500-Cd	0.0005	0.01-0.05	Phát hiện
4	Cd	TCVN 6626:2000	0.002	0.003	Phát hiện

**Nhìn vào Bảng 1 và Bảng 2 ở trên sẽ thấy:**

- So với các giới hạn nồng độ KLN trong nước cấp đầu vào, tất cả các chỉ tiêu trên đều cao hơn hoặc bằng ngưỡng phát hiện của phép thử.

- Qua bảng 1 và 2 cho thấy, đối với nước thải công nghiệp, việc phân loại đối tượng nước thải không chứa KLN sẽ không phù hợp với các quy chuẩn về nước cấp cho sinh hoạt, ăn uống.
- Theo các phân tích trên cho thấy sự ***cần thiết phải quy định mức giới hạn của từng hàm lượng của mỗi chỉ tiêu KLN***: As, Cd, Hg, Pb để làm căn cứ xếp loại nước thải không chứa KLN hoặc nước thải có chứa KLN.
- Đối với nước thải của nhà máy chế biến thủy sản có quy chuẩn đặc thù riêng (QCVN 11:2008/BTNMT), trong đó không đề cập đến các chỉ tiêu KLN.

**Kiến nghị:** Như vậy, nước thải ngành CBTS sẽ không phải thực hiện theo qui định của Nghị định này nếu được ban hành.

## 2) Mục a, điểm 2, Điều 6 Chương II: về công thức tính mức phí phải nộp

Đối với công thức tính cho đối tượng là nước thải chứa kim loại nặng:  $F = (f \times K) + C$

Trong đó: - F: là số phí phải nộp

- f: là mức phí cố định: Tối đa 2.500.000 đồng/năm

- C: là mức phí biến đổi, tính theo 2 chất ô nhiễm: COD và TSS

- K: là hệ số tính theo khối lượng nước thải chứa KLN

### Kiến nghị:

- Bỏ cách tính hệ số K theo lưu lượng nước thải, thay vào đó là căn cứ vào **mức độ ô nhiễm của KLN** trong nước thải.
- Có thể chia thang nồng độ KLN trong nước thải theo các mức *thấp – trung bình – cao – rất cao*, tùy theo mức giới hạn nồng độ tương đương của mỗi chỉ tiêu mà hệ số K đi kèm càng lớn.

### Lý do:

#### ***1/ Thứ nhất:***

- Nước thải mỗi DN khác nhau tùy thuộc vào tính đặc thù của sản xuất và hiệu quả xử lý khác nhau nên chất lượng nước thải đầu ra có nồng độ KLN khác nhau.
- Nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất thường không tinh khiết. Trong thành phần hóa chất, phụ gia luôn tồn tại một lượng tạp chất không mong muốn trong đó có thành phần KLN. Vì vậy nước thải đầu ra luôn tồn tại lượng KLN nhất định.
- Để tránh trường hợp đồng nhất mức phí của DN có hàm lượng KLN trong nước thải khác nhau, nhưng đóng mức phí BVMT như nhau khi có lưu lượng tương đương. Điều này dẫn đến gánh nặng đối với một số doanh nghiệp có lưu lượng nước thải lớn nhưng nồng độ thấp mà phải gánh chi phí cao (trường hợp các doanh nghiệp chế biến thủy sản).

**Ví dụ:** So sánh chi phí BVMT phải trả cho 2 loại nước thải khác nhau (chưa tính giá trị C)

Nước thải sau xử lý của ngành	Giá trị (mg/l)				Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ng.đ)	Hệ số K	f x K
	Hg	As	Cd	Pb			

Chế biến thủy sản	0.006	0.005	0.002	0.009	1.000	29	72.500.000
Xi mạ	0.01	0.1	0.1	0.5	25	2	5.000.000

**2/ Thứ hai:** Giá trị C – mức phí biến đổi được xác định dựa vào nồng độ COD, TSS, lưu lượng nước thải phát sinh. Giá trị C được tính theo công thức:  $C = C_{COD} + C_{TSS}$

$C_{COD} = \text{Nồng độ COD(mg/l)} \times \text{Đơn giá COD(đồng/kg)} \times 10^{-3} \times \text{Lưu lượng nước thải(m}^3\text{)}$

$C_{TSS} = \text{Nồng độ TSS(mg/l)} \times \text{Đơn giá TSS(đồng/kg)} \times 10^{-3} \times \text{Lưu lượng nước thải(m}^3\text{)}$

Vậy công thức  $F = (f \times K) + C$  phụ thuộc chủ yếu vào lưu lượng nước thải mà chưa phân loại rõ ràng nước thải có nồng độ KLN cao/thấp. Do đó sẽ không khuyến khích tự bản thân doanh nghiệp phấn đấu tích cực cải tiến quy trình trong việc loại bỏ KLN.

### III/ Kiến nghị:

1. Trong tình hình khó khăn như hiện nay, khi mà mọi chi phí đầu vào đồng loạt tăng đáng kể từ 20 - 35% như: nguyên liệu, điện, nước, bao bì, xăng dầu, thuế, phí... đang ảnh hưởng rất lớn tới giá thành sản phẩm và làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (DN), hiệu quả kinh doanh của DN đang giảm sút đáng kể, nhiều DN đã ngừng hoạt động hoặc thậm chí bị phá sản, việc tăng phí BVMT quá cao như đề xuất trong Dự thảo là không hợp lý và sẽ đẩy DN vào con đường ngày càng khó khăn hơn, nhất là các ngành công nghiệp chế biến như ngành công nghiệp thủy sản. **Đề nghị:** giữ nguyên mức qui định cũ không sửa đổi tăng như đề xuất trong Dự thảo.
2. Để đánh đúng vào đối tượng gây ô nhiễm môi trường, **đề nghị:** phải có tiêu chí phân loại cụ thể rõ ràng đối tượng nước thải có chứa KLN và không chứa KLN.
3. Bỏ cách tính hệ số tính phí K theo khối lượng nước thải, thay vào đó là căn cứ tính dựa trên mức độ ô nhiễm của KLN trong nước thải, nên chia thang nồng độ KLN trong nước thải theo mức: *thấp – trung bình – cao – rất cao*, tùy theo mức giới hạn nồng độ tương đương của mỗi chỉ tiêu mà hệ số K đi kèm càng lớn.

Trên đây là những ý kiến góp ý của Hiệp hội VASEP. Hiệp hội VASEP kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ TNMT xem xét và bổ sung sửa đổi để chuẩn hóa các qui định, không làm tăng chi phí sản xuất và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người thực hiện.

Trân trọng cảm ơn.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Công Thương;
- Tổng Cục Môi trường;
- Vụ Chính sách Thuế (BTC);
- Vụ XNK (BCT);
- Chủ tịch và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VPHH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ  
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM  
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI**



**Trương Đình Hòa**